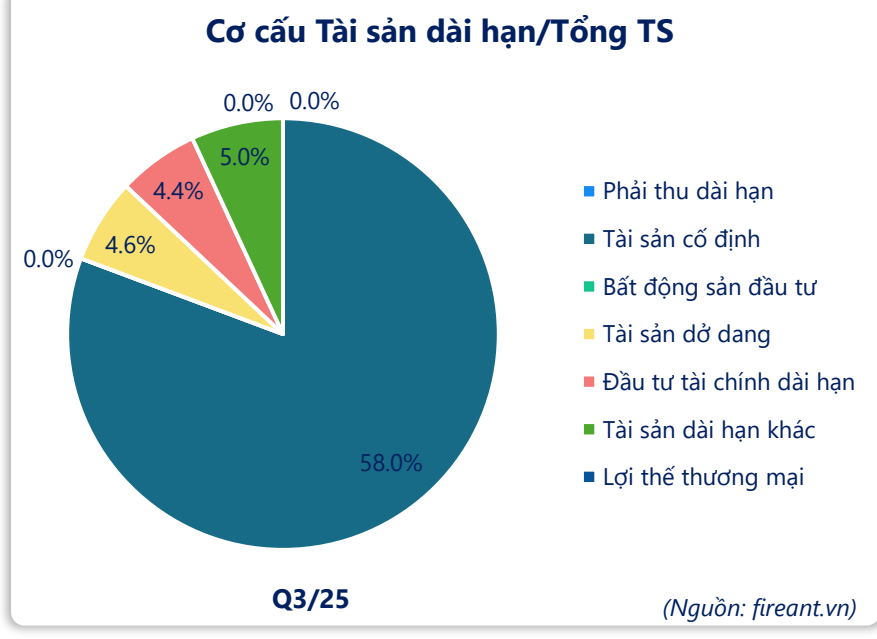
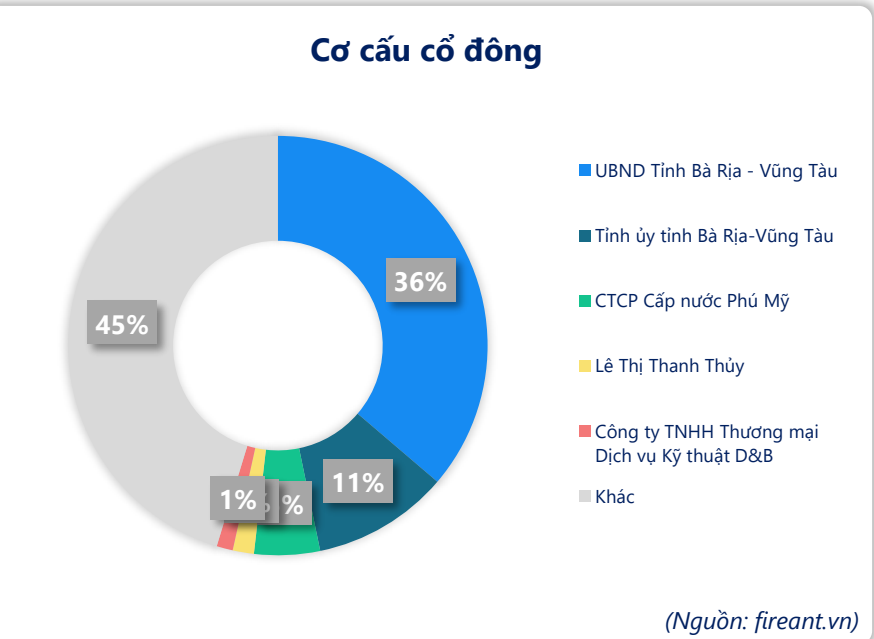
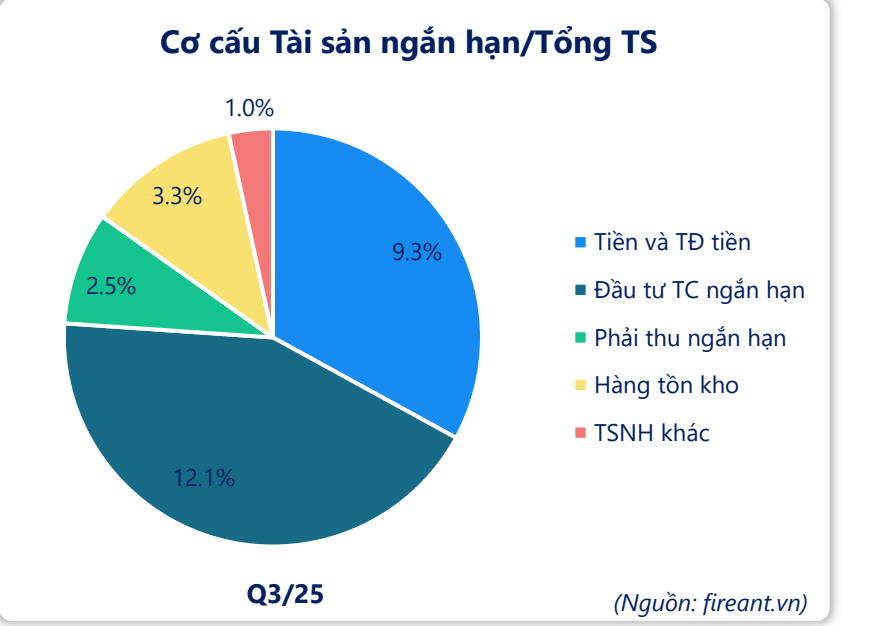
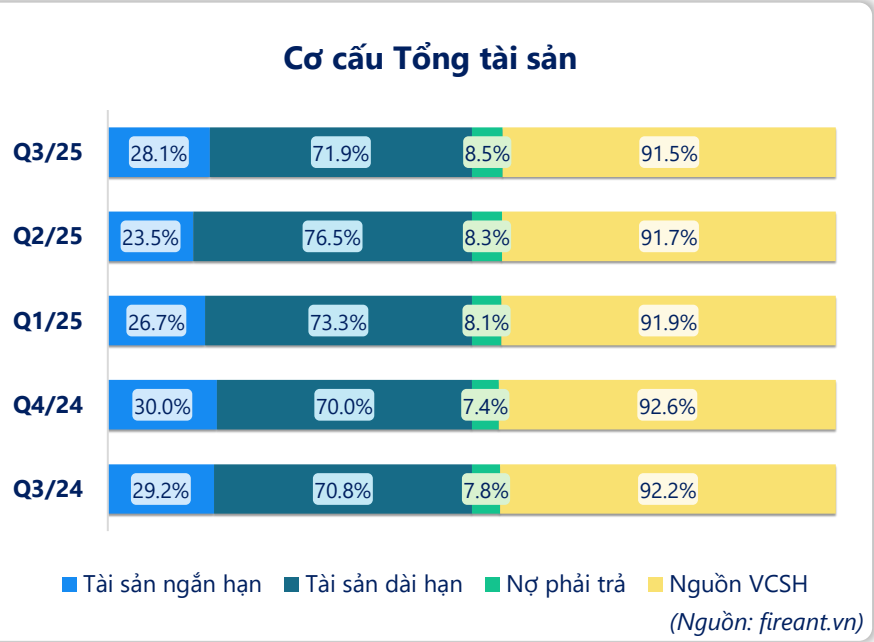
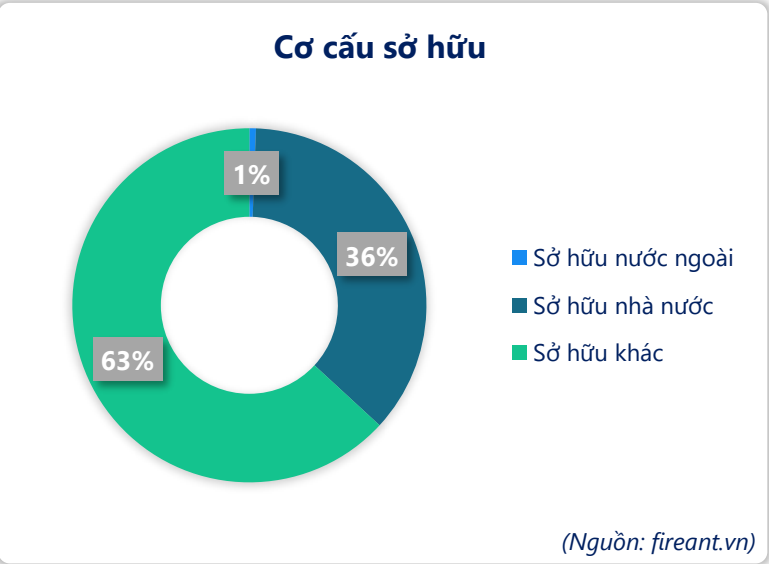
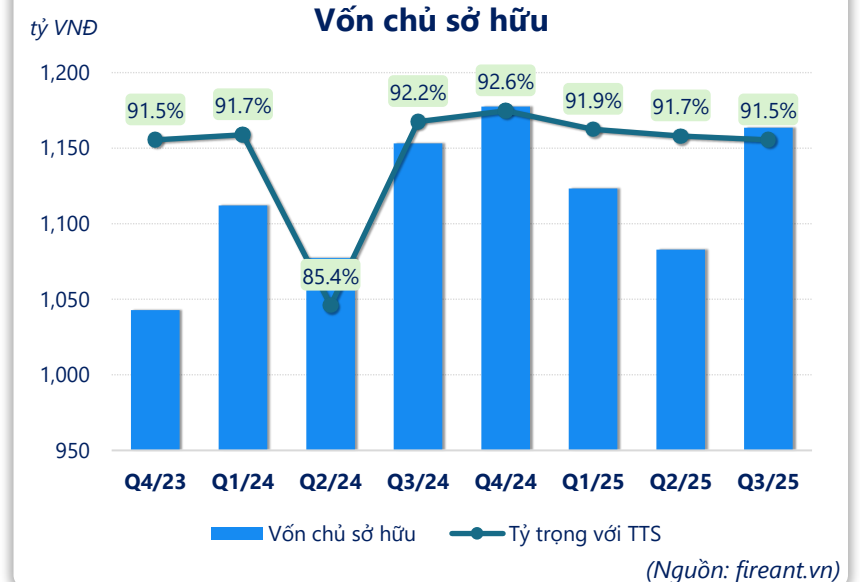
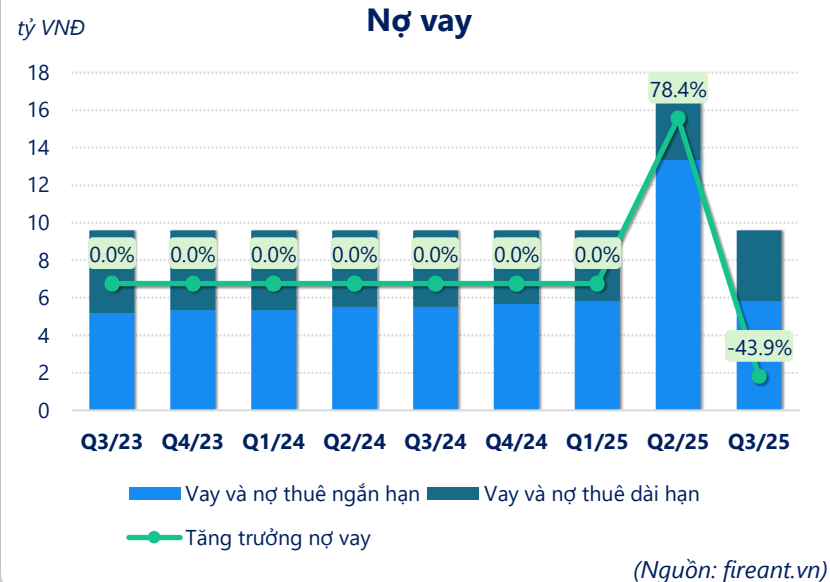
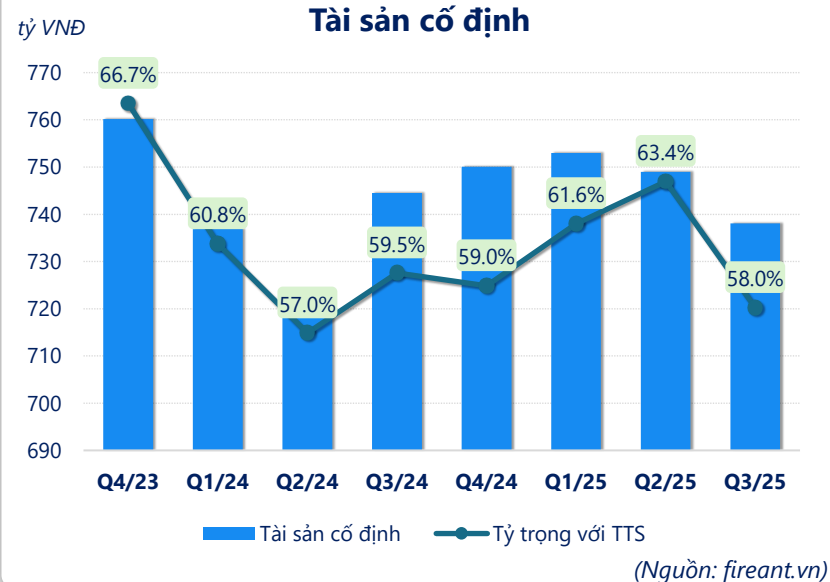
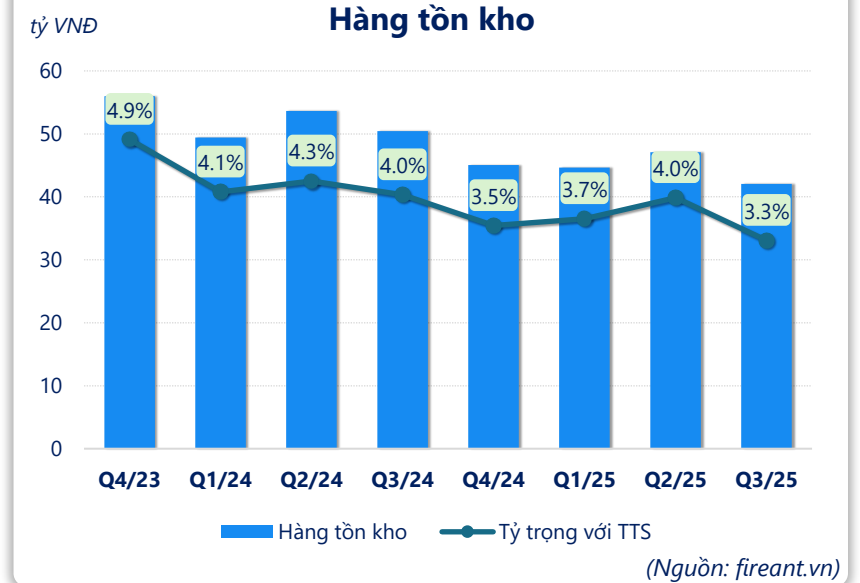
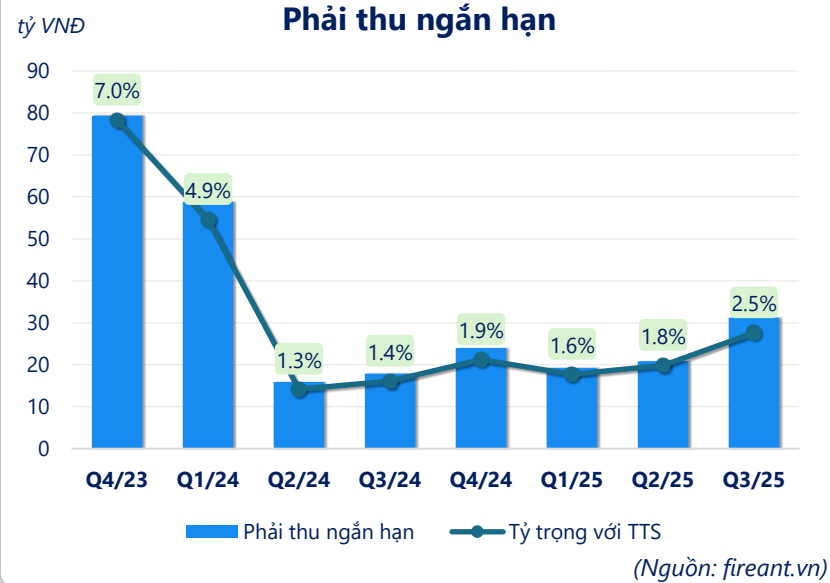
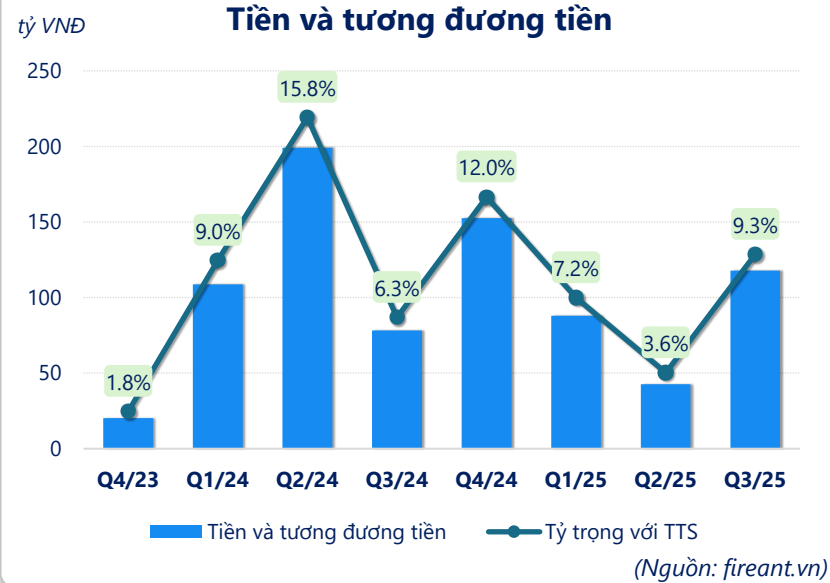
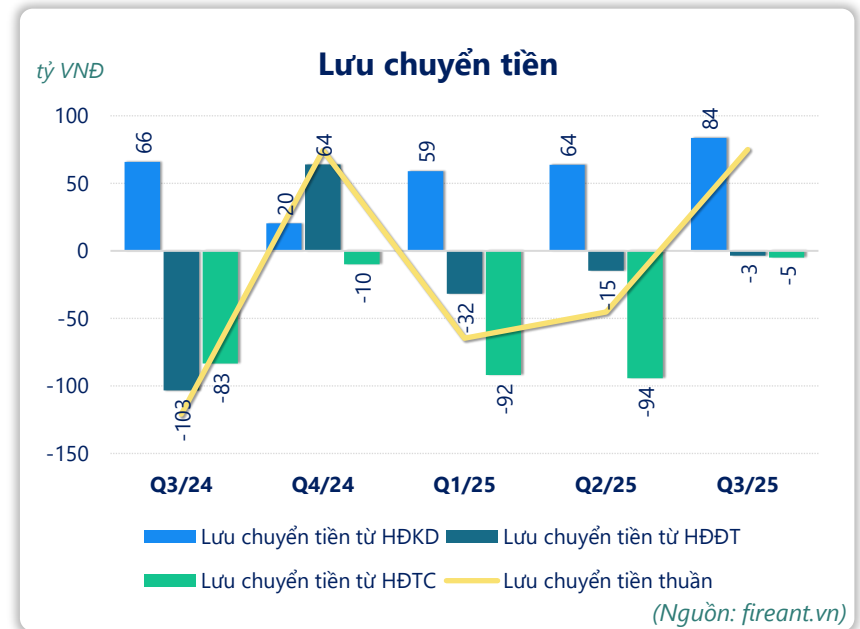
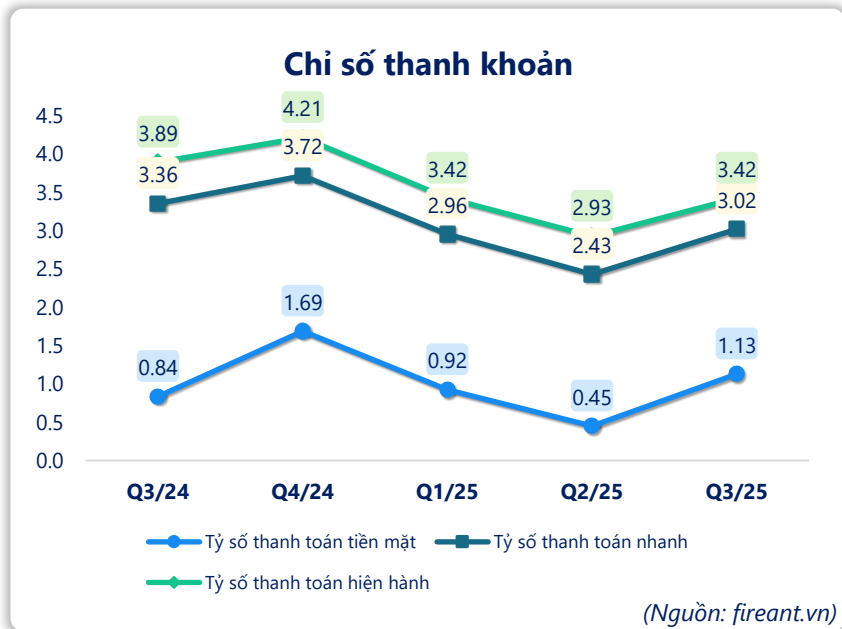
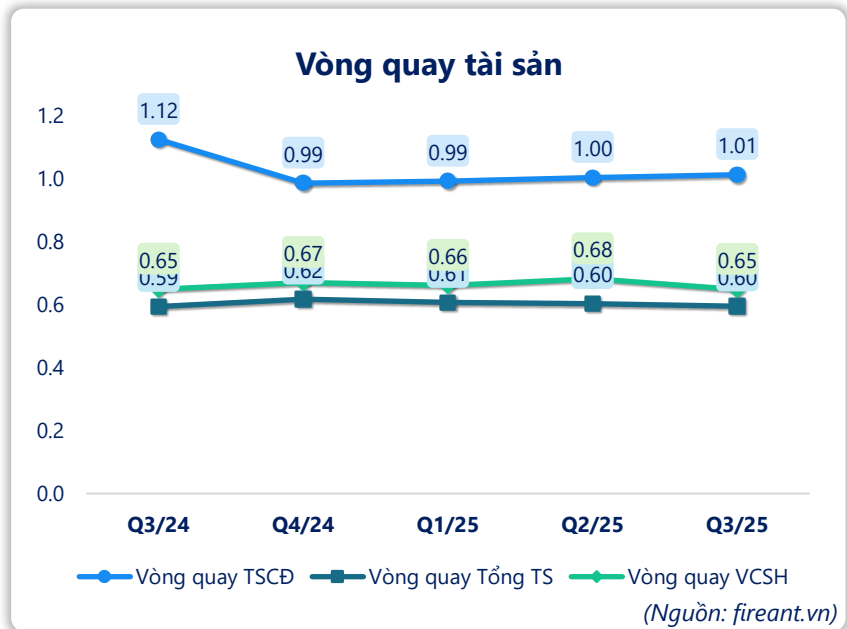
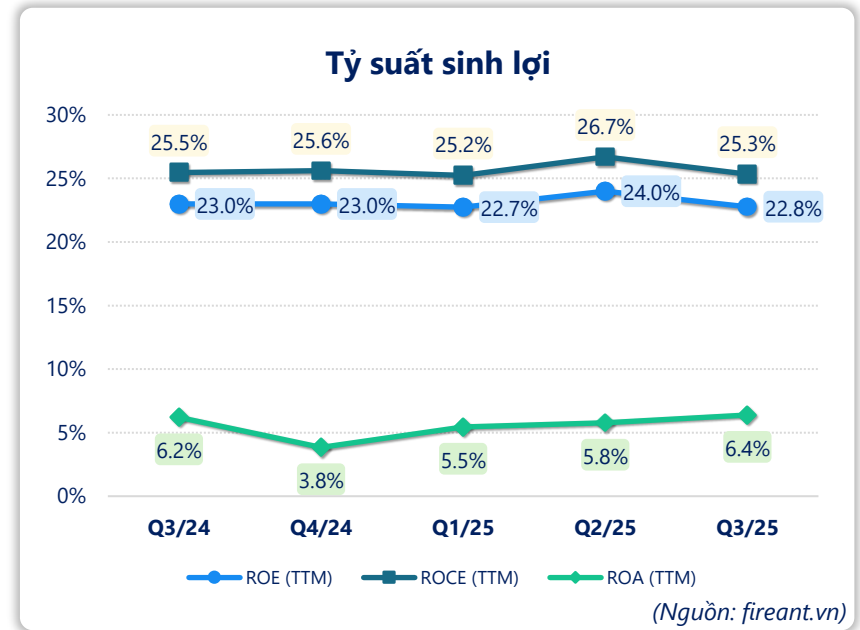
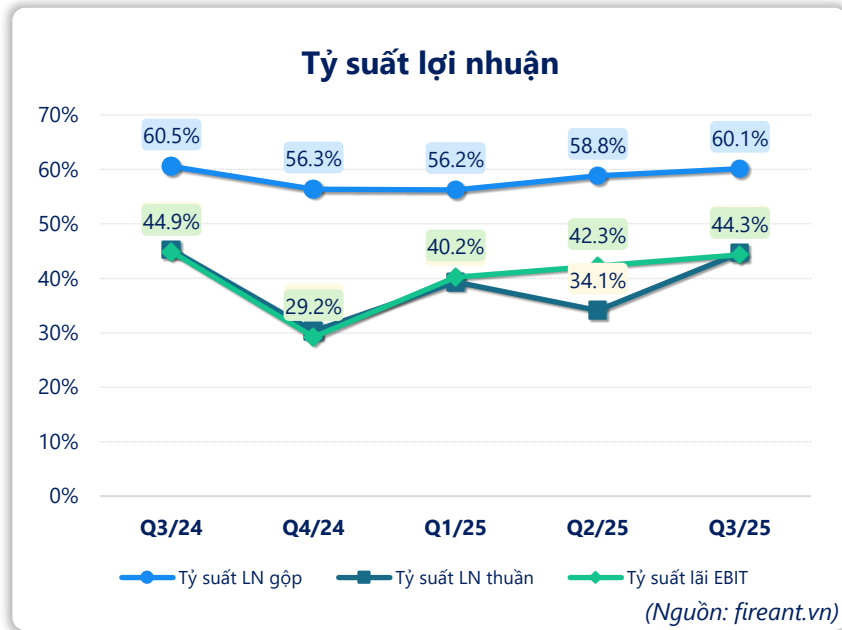
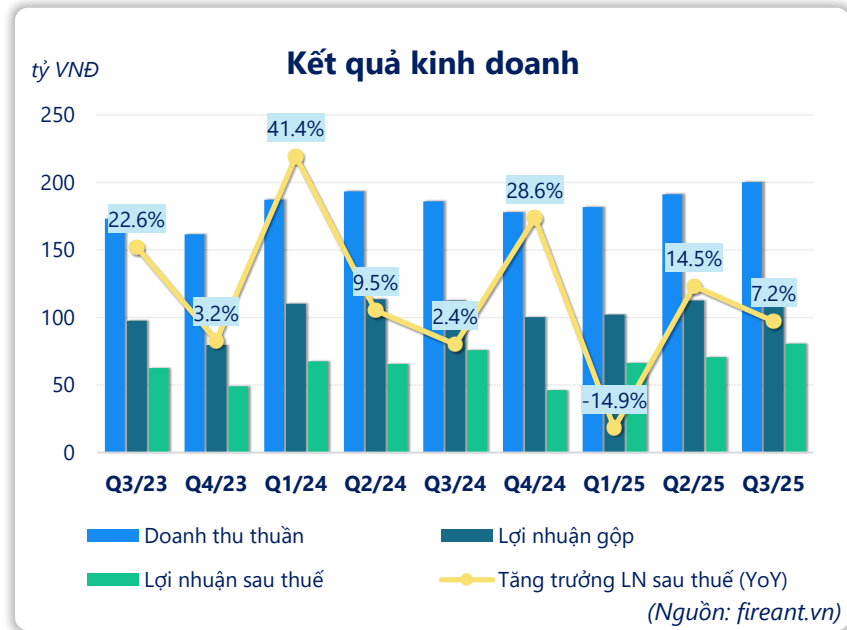


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		30,225
SL cổ phiếu LH		100,007,569
KLGD BQ 20 phiên (CP)		52,234
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,380
P/E		12.8
EPS		2,638

	YTD	1T	3T	6T
BWS	5.9%	-0.6%	-1.7%	1.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,272	1,261	0.8%
Tài sản ngắn hạn	357	367	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	118	153	-22.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	154	152	1.1%
Phải thu ngắn hạn	31.2	13.6	129%
Hàng tồn kho	42.1	45.0	-6.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	3.97	206%
Tài sản dài hạn	915	894	2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	738	750	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.9	42.4	36.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.5	55.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	63.1	46.3	36.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	194	-44.3%
Nợ ngắn hạn	104	190	-45.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.82	5.66	2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.96	5.21	33.4%
Nợ dài hạn	3.77	3.93	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.77	3.93	-4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,164	1,067	9.0%
Vốn chủ sở hữu	1,164	1,067	9.0%
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	186	178	182	191	200
Giá vốn hàng bán	73.4	77.7	79.5	78.7	79.8
Lợi nhuận gộp	113	100	102	113	120
Doanh thu HĐTC	14.3	3.28	14.3	2.22	14.4
Chi phí TC	0	0	0	0.02	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.02	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.5	26.6	23.5	25.3	27.6
Chi phí QLDN	23.2	23.1	21.6	24.2	17.7
LN thuần từ HĐKD	84.2	53.9	71.4	65.2	89.4
Lợi nhuận khác	-0.73	-1.91	1.65	15.6	-0.73
LN trước thuế	83.5	52.0	73.0	80.8	88.7
Lợi nhuận sau thuế	75.9	46.3	66.4	70.5	80.6
LNST của CĐ cty mẹ	75.9	46.3	66.4	70.5	80.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.8	20.3	59.0	63.7	83.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-103	64.0	-31.7	-14.7	-3.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.5	-10.0	-92.0	-94.2	-5.07
Tiền đầu kỳ	199	78.2	153	87.9	42.7
Lưu chuyển tiền thuần	-121	74.4	-64.7	-45.2	75.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.2	153	87.9	42.7	118

(Nguồn: fireant.vn)